

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

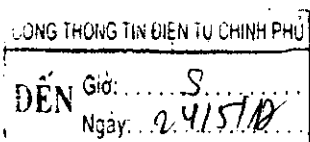
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *13* /2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 966/TTr-STNMT ngày 14 tháng 11 năm 2016 và Công văn số 1253/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/5/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Căn cứ để xác định loại đất tính bồi thường

1. Việc xác định loại đất để tính bồi thường căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3, Điều 11 của Luật Đất đai.

2. Đối với trường hợp người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai thì việc xác định loại đất tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai”.

2. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đối với đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng đã nộp tiền để được sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng người đang sử dụng đất đã nộp tiền để được sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

2. Căn cứ để xác định đã nộp tiền cho cơ quan, tổ chức để được sử dụng đất đối với trường hợp đất giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT”.

3. Sửa đổi Điều 19 như sau:

“Điều 19. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất

Việc bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, Điều 15 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo diện tích đất thuộc quyền sử dụng.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì bồi thường chung cho các đối tượng có đồng quyền sử dụng đất. Những người có đồng quyền sử dụng đất tự thỏa thuận phân chia tiền bồi thường; văn bản thỏa thuận phải được công chứng, chứng thực.

Trường hợp các đối tượng không tự thỏa thuận được việc phân chia tiền bồi thường thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hướng dẫn các đối tượng ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật,

tiền bồi thường được chuyển vào Kho bạc Nhà nước. Sau khi có văn bản giải quyết theo quy định pháp luật thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chi trả tiền bồi thường cho các đối tượng. Trong thời gian chờ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, những người có đồng quyền sử dụng đất có trách nhiệm bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng”.

4. Bổ sung Điều 21a như sau:

“Điều 21a. Xử lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, chi phí đầu tư vào đất còn lại, tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Việc xử lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, chi phí đầu tư vào đất còn lại, tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

2. Căn cứ quy định của Bộ Tài chính, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét từng trường hợp cụ thể để quyết định việc trả lại giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất đối với các trường hợp thu hồi đất quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 64 và điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai”.

5. Bổ sung Điều 21b như sau:

“Điều 21b. Xử lý tiền thuê đất còn lại cho người được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm mà đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm khi Nhà nước thu hồi đất

Người được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nhưng đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm cho Nhà nước thì khi Nhà nước thu hồi đất được trả lại tiền thuê đất đã trả trước còn lại cho thời gian chưa sử dụng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP”.

6. Bổ sung Điều 21c như sau:

“Điều 21c. Xử lý về tài sản do Nhà nước giao quản lý khi thu hồi đất và trường hợp tổ chức thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất

Việc xử lý về tài sản do Nhà nước giao quản lý khi thu hồi đất và trường hợp tổ chức thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 được thực hiện cụ thể như sau:

1. Khi Nhà nước thu hồi đất, tổ chức bị thiệt hại về tài sản do Nhà nước giao quản lý sử dụng và phải di dời đến cơ sở mới thì tổ chức đó được sử dụng tiền bồi thường tài sản để đầu tư tại cơ sở mới theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ bằng tiền nếu phải di dời đến cơ sở mới do cơ quan nhà nước có thẩm

quyền quyết định; mức hỗ trợ bằng mức bồi thường về đất.

3. Việc quản lý, cấp phát, thanh quyết toán số tiền hỗ trợ quy định tại Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính”.

7. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 22 như sau:

“1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

3. Việc hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này được thực hiện cụ thể như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

b) Diện tích đất thu hồi quy định tại điểm a, khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.

Việc xác định diện tích đất nông nghiệp để tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a, b Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương”.

8. Điều 23 được sửa đổi như sau:

“Điều 23. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 84 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 của

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT được quy định cụ thể như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi, thời gian hỗ trợ đến hết ngày 30/6/2018; kể từ ngày 01/7/2018 mức hỗ trợ giảm xuống còn 1,5 lần. Diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

2. Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ xác định như sau:

$$\text{Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ} = \frac{\text{Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi}}{\text{Số nhân khẩu trong hộ gia đình}} \times \text{Số nhân khẩu được hỗ trợ}$$

Trong đó:

Số nhân khẩu trong hộ gia đình là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tính đến thời điểm Nhà nước có Thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đó.

Số nhân khẩu được hỗ trợ được xác định bao gồm những nhân khẩu không phải là cán bộ; công chức; viên chức; cán bộ, nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp trong hộ gia đình.

Diện tích nông nghiệp bị thu hồi khi tính hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

3. Người được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong độ tuổi lao động có nhu cầu được đào tạo nghề thì được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề, được tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm và được Nhà nước chi trả học phí cho một khóa học đào tạo nghề, tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm. Kinh phí hỗ trợ đào tạo học nghề, tư vấn hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho các đối tượng được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và được tính vào tổng vốn đầu tư của dự án. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề phải lấy ý kiến của người bị thu hồi đất thuộc đối tượng chuyển đổi nghề.

Giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân gửi cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

9. Điều 26 được sửa đổi như sau:

“Điều 26. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

Việc hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 24 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

Trường hợp thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ bằng tiền; mức hỗ trợ bằng giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi. Việc quản lý và sử dụng tiền hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP”.

10. Điều 31 được sửa đổi như sau:

“Điều 31. Suất tái định cư tối thiểu

Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 4 Điều 86 của Luật Đất đai và Điều 27 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được quy định bằng đất ở có diện tích là 60 m² và quy định chung cho tất cả các khu tái định cư; giá trị một suất tái định cư tối thiểu được tính bằng diện tích của một suất tái định cư tối thiểu nhân (x) với giá ở của tuyến đường có mức giá thấp nhất trong khu tái định cư.

11. Điều 44 được sửa đổi như sau:

“Điều 44. Hỗ trợ khác đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng

Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận việc thu hồi đất ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người thu hồi đất thì được hỗ trợ khác để bảo đảm ổn định đời sống và sản xuất. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương; thời gian hỗ trợ không quá 06 tháng. Giao Chủ tịch UBND huyện, thành phố Cà Mau xem xét, quyết định thời gian hỗ trợ cho từng trường hợp cụ thể”.

12. Bãi bỏ Điều 45.

13. Điều 53 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 53. Giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương và tính chất, quy mô của từng dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm:

- a) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện;
- b) Tổ chức phát triển quỹ đất.

2. Trường hợp giao việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Thành phần Hội đồng bao gồm:

- a) Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng;
- b) Đại diện lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường là Phó Chủ tịch Hội đồng;
- c) Các thành viên của Hội đồng gồm: Đại diện cơ quan Tài chính - Kế hoạch; đại diện Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện; chủ đầu tư; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có đất bị thu hồi; đại diện của những hộ gia đình bị thu hồi đất từ một đến hai người và một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

3. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Đất đai.

4. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được thuê đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện các dịch vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

14. Bổ sung điểm c khoản 8 Điều 59 như sau:

“c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 như sau:

“Điều 60. Xử lý một số vấn đề phát sinh khi ban hành Quy định

1. Việc xử lý những vấn đề phát sinh thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 210 của Luật Đất đai, Điều 34 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và khoản 8 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã có quyết định thu hồi đất và đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; những dự án, hạng mục đã có quyết định thu hồi đất và đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi

trả bồi thường hỗ trợ tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt, không áp dụng theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND”.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những dự án, hạng mục đã có quyết định thu hồi đất và đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; những dự án, hạng mục đã có quyết định thu hồi đất và đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường hỗ trợ tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt, không áp dụng theo Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2017.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người sử dụng đất và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, yêu cầu Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Xây dựng (Vụ Pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh Cà Mau;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Sở Tư pháp (tư kiểm tra);
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng NN-NNTN (Nguyên, 05/5);
- Lưu: VT, Tu5/5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử